

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Kế hoạch diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng
trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-BNN-TT ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa toàn quốc năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Văn bản số 205/SNN-TT&BVTV ngày 20 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh năm 2024; chi tiết tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và các cơ quan có liên quan:

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản theo đúng kế hoạch được phê duyệt; đảm bảo hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với việc thực hiện dồn đổi, tập trung đất đai và tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị;

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Trồng trọt) về kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị có trách nhiệm:

- Ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; phân công nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn trực thuộc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn, đảm bảo không làm mất đi các điều kiện trồng lúa trở lại và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành;

- Tổng hợp kết quả thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trước ngày 15 tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hải

Phụ lục: Kế hoạch diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh năm 2024
(Kèm theo Quyết định số: 349/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 2 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: ha

STT	Huyện, thành, thị	Tổng	Diện tích đất lúa chuyển đổi sang cây trồng khác						Diện tích cây trồng chuyển đổi từ đất lúa	
			2 vụ lúa			1 vụ lúa			Chuyển sang cây trồng hàng năm	Chuyển sang cây trồng lâu năm
			Cây hàng năm	Cây lâu năm	Trồng lúa kết hợp NTTS	Cây hàng năm	Cây lâu năm	Trồng lúa kết hợp NTTS		
1	TP. Việt Trì	70	20		50				Ngô 20,0 ha.	
2	Đoan Hùng	104	16	16		30	22	20	Ngô 22 ha, rau 10 ha, cây TẮCN 14 ha.	Chuối 6 ha, bưởi 10 ha, vải 3 ha.
3	Hạ Hòa	166,8	61,3	19,6	5,3	45,3	11,4	23,9	Ngô 41,6 ha, rau 47 ha, cây TẮCN 16 ha, lạc 2 ha.	Chuối 5,9 ha, bưởi 6,6 ha, nhãn 1 ha, ổi 2 ha.
4	Thanh Ba	100,5	31,7	26	10,2	26,2	6,4	0	Ngô 22,1 ha, rau 19,6 ha, cây TẮCN 16,2 ha.	Chuối 6 ha, bưởi 5,3 ha, nhãn 1 ha, vải 2 ha, ổi 1,9 ha.
5	Phù Ninh	22,9	0,9	2	20				Cây TẮCN 0,9 ha.	Cây khác 1 ha;
6	Yên Lập	100,6	6,9	8,6	14,1	25	34,8	11,2	Ngô 19,9 ha, rau 12 ha.	Bưởi 18,7 ha, ổi 1 ha, nhãn 1 ha, vải 1 ha.
7	Cẩm Khê	16,8	8,2		4,7	0,7		3,3	Ngô 3,5 ha, rau 3,3 ha, cây TẮCN 2,1 ha.	
8	Tam Nông	13	5	6				2	Cây khác 5 ha.	Nhãn 1 ha, chuối 2 ha.
9	Lâm Thao	285,5	5	0		10,5		270	Ngô 2,5 ha, rau 5 ha, cây TẮCN 8 ha.	
10	Thanh Sơn	5,5	3,5		2				Ngô 3,5 ha.	
	Tổng	885,7	158,5	78,2	106,3	137,7	74,6	330,4	Ngô 135,1 ha, rau 96,9 ha, cây TẮCN 57,2 ha, cây khác 5 ha, cây lạc 2 ha.	Cây chuối 19,9 ha, cây bưởi 40,6 ha, cây khác 1 ha, cây ổi 4,9 ha, cây nhãn 4 ha, cây vải 6 ha.

Ghi chú:

- Tổng số = DT Cây hàng năm + DT Cây lâu năm x 2 lần (để quy ra diện tích gieo trồng) + DT Trồng lúa kết hợp NTTS.
- Cây hàng năm: Tính theo diện tích gieo trồng;
- Trồng lúa kết hợp NTTS: Tính theo diện tích gieo trồng;
- Cây lâu năm: Tính theo diện tích canh tác.

